

Bản án số: 48/2025/HNGĐ-ST

Ngày 30/6/2025

"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi
ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Xuân Hoài

Ông Lê Phi Long

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Mộc Anh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Lam Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025, tại Hội trường xét xử số 4, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 26/2026/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2025, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 36/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1983; nơi thường trú: thôn P, thị trấn T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. **Bị đơn:** anh **Lê Mộng T**, sinh năm 1982; nơi đăng ký thường trú: thôn Đ, xã L, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở hiện nay: Đài Loan (Trung Quốc), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/3/2025 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Mộng T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tình cảm và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã L, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh ngày 26/02/2010. Từ năm 2014 đến nay, anh T đi lao động tại Đài Loan không về thăm vợ con. Do sống cách xa nhau nên vợ chồng không có thời gian quan tâm chia sẻ với nhau, dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải, chị H và anh T đã nhiều lần tìm cách để giải quyết mâu thuẫn nhưng không thành. Chị H thấy tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng hàn gắn nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh T.

- Về con chung: chị H và anh T có hai con chung là Lê Nguyễn Tường V,

sinh ngày 06/11/2010 và Lê Nguyễn Tường N, sinh ngày 20/6/2013. Chị H yêu cầu Toà án giải quyết cho chị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung cho đến khi con trưởng thành; chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung, nợ chung: chị H không yêu cầu Toà án giải quyết.

* *Tại Công văn số: 1257/XNC(Đ1) ngày 11/4/2025 v/v Trao đổi kết quả kiểm tra thông tin xuất nhập cảnh của Công an tỉnh Q, thể hiện nội dung:* trường hợp Lê Mộng T, sinh ngày 06/10/1982: đã xuất, nhập cảnh 05 lần; lần gần nhất sử dụng hộ chiếu số Q00358254 xuất cảnh ngày 03/3/2024 qua cửa khẩu Cảng hàng không quốc tế N1; chưa có thông tin nhập cảnh.

* *Tại Đơn trình bày nguyện vọng đề ngày 17/4/2025 của các cháu Lê Nguyễn Tường V và Lê Nguyễn Tường N, thể hiện nội dung:* hiện nay, các cháu đều đang ở với mẹ tại thị trấn T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh. Nếu bố mẹ ly hôn, các cháu đều có nguyện vọng ở cùng với mẹ là Nguyễn Thị H.

* *Tại Biên bản lấy lời khai đề ngày 07/5/2025 đối với bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1959, địa chỉ: thôn Đ, xã L, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh (có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã L, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh), thể hiện nội dung:* bà Q là mẹ đẻ của anh Lê Mộng T, chị H và anh T kết hôn với nhau từ năm 2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại Bắc Ninh, cuộc sống chung hoà thuận đến khoảng năm 2016 thì vợ chồng bàn nhau cho anh T đi lao động tại Ả-R-X-Ú để làm kinh tế gia đình. Đến khoảng năm 2018, chị H đi lao động tại Đài Loan nên vợ chồng sống xa cách nhau. Sau đó, anh T về nước được một thời gian thì chị H làm thủ tục cho anh T sang lao động tại Đài Loan nhưng không ở gần nhau. Khoảng năm 2022, chị H về nước còn anh T vẫn đang lao động tại Đài Loan. Tết năm 2024, anh T về ăn Tết cùng gia đình, vợ chồng vẫn hoà thuận hạnh phúc. Trong quá trình chung sống, anh T và chị H nhiều khi cũng có mâu thuẫn vì vấn đề kinh tế. Bà Q không biết anh T đang ở địa chỉ nào và nơi làm việc tại Đài Loan ở đâu, bà Q vẫn liên lạc được với anh T qua mạng xã hội nhưng không rõ mạng gì. Bà Q đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Toà án giao cho anh T và thông báo cho anh T biết: về việc chị H xin ly hôn anh T; anh T có quyền, nghĩa vụ về Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh hoặc viết bản tự khai thể hiện quan điểm của anh T đối với các yêu cầu khởi kiện của chị H (bản tự khai phải được hợp pháp hóa lãnh sự của C tại Đài Loan) gửi về Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh; địa chỉ: khu đô thị C, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

* *Ngày 30/5/2025, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã gửi Văn bản số: 36/2025/CV-TA cho bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1959; địa chỉ: thôn Đ, xã L, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, về việc:* đề nghị bà Q cung cấp cho Tòa án địa chỉ nơi ở hiện nay của anh Lê Mộng T; đề nghị bà Q thông báo cho anh T biết về việc: anh T có quyền, nghĩa vụ viết bản tự khai thể hiện quan điểm của anh T đối với các yêu cầu khởi kiện của chị H gửi về Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh; địa chỉ: khu đô thị C, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh trước ngày 13/6/2025. Nhưng đến nay vẫn chưa nhận được kết quả.

*** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:**

- Về tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán; Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án, đã tiến hành các thủ tục tố tụng để giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn chị Nguyễn Thị H đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H như nêu trên. Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án, đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh nhận thấy có căn cứ chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H đối với anh Lê Mộng T.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên toà Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: căn cứ đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”; bị đơn anh Lê Mộng T, sinh năm 1982; nơi đăng ký thường trú: thôn Đ, xã L, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, hiện đang sinh sống tại Đài Loan. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm a khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 123 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Lê Mộng T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án cho người thân trong gia đình, niêm yết các văn bản tố tụng tại chính quyền địa phương nơi anh Lê Mộng T đăng ký thường trú. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1,3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; hướng dẫn tại Công văn số: 253/TANDTC-PC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự và công bố các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị H và anh Lê Mộng T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh ngày 26/02/2010, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng có thời gian sống chung hạnh phúc. Theo chị H trình bày: từ năm 2014, anh T đi lao động tại Đài Loan, do sống cách xa nhau nên vợ chồng không có thời gian quan tâm chia sẻ với nhau, dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải, chị H và anh

T đã nhiều lần tìm cách để giải quyết mâu thuẫn nhưng không thành. Chị H thấy tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng hàn gắn nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh T. Theo bà Nguyễn Thị Q, là mẹ của anh T trình bày: trong quá trình chung sống, anh T và chị H nhiều khi cũng có mâu thuẫn vì vấn đề kinh tế. Bà Q không biết anh T đang ở địa chỉ nào và nơi làm việc tại Đài Loan ở đâu, bà Q vẫn liên lạc được với anh T qua mạng xã hội nhưng không rõ mạng gì.

Căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy: chị H và anh T không còn tồn tại đời sống chung; vợ chồng không thực hiện nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, chăm sóc, quan tâm giúp đỡ nhau cả về vật chất và tinh thần; không còn cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H đối với anh T.

[2.2] Về con chung: chị Nguyễn Thị H và anh Lê M có hai con chung là Lê Nguyễn Tường V, sinh ngày 06/11/2010 và Lê Nguyễn Tường N, sinh ngày 20/6/2013. Chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị H là người tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung cho đến khi con trưởng thành; chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con. Các cháu Lê Nguyễn Tường V và Lê Nguyễn Tường N đều có nguyện vọng ở cùng với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Căn cứ quy định tại Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cùng nguyện vọng các con chung của chị H và anh T là muốn ở với mẹ. Hội đồng xét xử đã chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh T nên chấp nhận yêu cầu, quan điểm của chị H về việc nuôi con chung như nêu trên. Anh T có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng cho con: chị Nguyễn Thị H không yêu cầu anh Lê Mộng T cấp dưỡng cho con. Nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh về nội dung giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 2 Điều

38; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 và khoản 2 Điều 123 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Lê Mộng T.

[2] Về con chung; về cấp dưỡng cho con:

Giao cho chị Nguyễn Thị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung Lê Nguyễn Tường V, sinh ngày 06/11/2010 và Lê Nguyễn Tường N, sinh ngày 20/6/2013 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Lê Mộng T không phải cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, anh Lê Mộng T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nếu anh Lê Mộng T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Nguyễn Thị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Hoặc nhận thấy chị Nguyễn Thị H không đủ điều kiện bảo đảm quyền, lợi ích của con thì anh Lê Mộng T có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006003 ngày 02/4/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho: chị Nguyễn Thị H biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật; anh Lê Mộng T có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận: TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ninh;
- UBND xã Liên Vị, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu HSVA; VP.

Nguyễn Thúy Hằng

